

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 332/2024/DS-PT
Ngày: 05-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 và ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 06 năm 2024, về việc tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2021/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2024/QĐPT-DS, ngày 19/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958 - Chủ hộ kinh doanh cá thể (bà D). Địa chỉ: Số D, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà D: Bà Huỳnh Thị Kim N, năm 1985. Địa chỉ: Số C, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (văn bản uỷ quyền ngày 24/7/2023, có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Tường Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số E, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ: Luật sư Lê Văn L, Văn phòng Luật sư Lê Văn L, Đoàn Luật sư tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-8-2023 và tại biên bản không hòa giải được ngày 15-12-2023 bà Huỳnh Thị Kim N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Từ trước năm 2014, đại lý thức ăn chăn nuôi của bà Nguyễn Thị D- Chủ hộ kinh doanh cá thể (bà D) có bán cho ông Đỗ Tường Đ thức ăn chăn nuôi gà. Hai bên có thỏa thuận việc mua bán trong thời hạn khoảng 04 tháng trả tiền. Qua nhiều đợt mua bán và tính đến ngày 28/02/2014 thì ông Đ có trả tiền cho bà D nhiều lần nhưng còn nợ lại bà D tiền vốn mua bán là 167.945.000 đồng. Việc mua bán của hai bên có sổ sách theo dõi, ông Đ có ký tên.

Nay bà D yêu cầu ông Đ phải trả cho bà D 167.945.000đồng vốn mua bán, yêu cầu tính lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng (tính từ 28/02/2014 đến ngày 28/7/2023), yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Cụ thể tiền lãi bà D yêu cầu như sau: $167.945.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 113\text{tháng} = 157.515.000\text{đồng}$, tổng cộng vốn mua bán và lãi suất là 325.460.000đồng.

Bị đơn ông Đỗ Tường Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với ông Đỗ Tường Đ.

Buộc ông Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị D tiền vốn mua bán là 167.945.000đồng và lãi suất chậm trả là 157.515.000đồng, tổng cộng là 325.460.000đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí, bà D được nhận lại số tiền là 8.136.000đồng tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0008715 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 16.273.000đồng (mười sáu triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 17/4/2024, bị đơn ông Đỗ Tường Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ông Đ trả nợ cho bà D vì ông không nợ tiền bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh luận:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ trình bày: Do tình trạng sức khỏe của ông Đ không tốt, tại thời điểm Tòa án sơ thẩm xét xử ông Đ phải nhập viện, sau khi ông Đ được xuất viện mọi sinh hoạt của ông Đ đều phải có người hỗ trợ nên án sơ thẩm nhận định ông Đ từ bỏ quyền chứng minh là không phù hợp thực tế, hiện nay ông Đ vẫn còn đang hưởng trợ cấp xã hội. Ông Đ xác định không nợ bà D số tiền nào cả, quyển sổ do bà D cấp chỉ có chữ viết của bà D, ông Đ hoàn toàn không ký tên, ngoài ra ông Đ không nhận quyển sổ nào từ bà D, ngoài cuốn sổ bà D cung cấp thì không có chứng cứ gì thể hiện ông Đ còn nợ bà D, tại cấp phúc thẩm bà N đại diện cho bà D cung cấp file ghi âm giữa bà N và ông Đ sau khi bà D khởi kiện, nội dung file ghi âm cũng không thể hiện ông Đ nợ bà D số tiền như bà D yêu cầu. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D, miễn án phí cho ông Đ.

Bà N là người đại diện cho bà D trình bày: sổ mua bán bà D cung cấp có ghi tên chú tư Đ, xác định chủ thể là ông Đ, cuốn sổ này rất cũ nên thể hiện việc mua bán được thực hiện rất lâu, mặc dù chữ trong sổ do bà D ghi và ông Đ không ký tên, nhưng bà D có cung cấp cho ông Đ một cuốn sổ tương tự như vậy, ông Đ cố tình không giao nộp cho Tòa án. Trong file ghi âm ông Đ thừa nhận có nợ bà D, trùng số ông Đ đã trả rồi, nhưng ông Đ không chứng minh việc trả nợ cho bà D, tại cấp sơ thẩm ông Đ từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh nên án sơ thẩm buộc ông Đ trả nợ bà D là có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của bị đơn ông Đ đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà D khởi kiện yêu cầu ông Đ trả tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 167.945.000đồng và tiền lãi 157.515.000đồng. Căn cứ hồ sơ vụ án và chứng cứ bà D cung cấp thể hiện cuốn sổ không ghi năm, tại phiên tòa bà N đại diện cho

bà D xác nhận sổ do bà D tự ghi, không có chữ ký xác nhận của ông Đ, bà N cho rằng bà D có cung cấp cho ông Đ cuốn sổ tương tự để đối chiếu nhưng không được ông Đ thừa nhận, bà N đại diện bà D cung cấp file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà N và ông Đ, tuy nhiên nội dung file ghi âm cũng không thể hiện ông Đ nợ bà D số tiền 167.945.000đồng. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Đ đủ điều kiện quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Đ không đồng ý trả cho bà D số tiền vốn 167.945.000đồng và 167.945.000đồng, tổng cộng 325.460.000đồng. Xét thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị D trình bày có bán cho ông Đỗ Tường Đ thức ăn chăn nuôi gà. Hai bên có thỏa thuận việc mua bán trong thời hạn khoảng 04 tháng trả tiền. Qua nhiều đợt mua bán và tính đến ngày 28/02/2014 thì ông Đ có trả tiền cho bà D nhiều lần nhưng còn nợ lại bà D tiền vốn mua bán là 167.945.000đồng. Nay bà yêu cầu ông Đ phải trả cho bà D tiền nợ gốc là 167.945.000đồng, yêu cầu tính lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng (tính từ 28/02/2014 đến ngày 28/7/2023), với số tiền là 157.515.000đồng. chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà D cung cấp 01 quyển sổ (loại sổ tay bỏ túi, kẻ ô vuông), theo bà D trình bày đây là sổ ghi nợ, nội dung mỗi đợt ông Đ mua thức ăn chăn nuôi thì bà ghi số lượng và số tiền tương ứng, số tiền ông Đ đã trả và số tiền ông Đ còn nợ, phần cuối sổ xác định số tiền còn nợ là 167.945.000đồng. Ông Đ trình bày trước đây ông có mua thức ăn chăn nuôi gà của bà D, khi bà D giao thức ăn thì sau đó ông đem tiền mặt đến trả cho bà D, ông xác định hiện nay ông không còn nợ tiền bà D. Ông Đ xác định việc ông mua thức ăn chăn nuôi gà của bà D chỉ trong khoảng thời gian ngắn và đã trả đủ tiền cho bà D, việc trả tiền không lập giấy tờ, mua từng đợt và trả từng đợt, sau đó do bà D bán giá cao hơn nên ông không mua của bà D mà mua của ông T. Ông Đ không thừa nhận có việc bà D giao sổ cho ông, ông Đ trình bày quyển sổ bà D cung cấp để kiện ông do bà D tự ghi, không có chữ ký của ông. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà D thừa nhận quyển sổ này do bà D tự ghi, trong sổ không có chữ ký của ông Đ. Do đó, không thể căn cứ vào quyển sổ này để xác định ông Đ nợ bà D 167.945.000đồng.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm, bà N đại diện theo ủy quyền cho bà D cung cấp file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà N và ông Đ, ông Đ thừa nhận tiếng nói trong file ghi âm là của ông, tuy nhiên nội dung file ghi âm cũng không thể hiện ông Đ nợ bà D số tiền 167.945.000đồng.

[2.3] Ngoài chứng cứ là quyển sổ và file nêu trên thì bà D không còn chứng cứ nào chứng minh ông Đ còn nợ bà D số tiền mua bán thức ăn gia súc 167.945.000đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ,

chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, bà D là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại theo Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên ông Đ thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên không hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Tường Đ;

Sửa bản án sơ thẩm số: 28/2021/DS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Căn cứ các điều 26, 37, 39, 91, 93, 147, 296, 307, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 116, 119, 430, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với bị đơn ông Đỗ Tường Đ về việc buộc ông Đỗ Tường Đ phải trả cho bà D tiền vốn mua bán là 167.945.000 đồng và 157.515.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 325.460.00 đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D được miễn án phí theo quy định tại theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho bà D 8.136.00 đồng (tám triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu số 0008715 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Vân- Phùng Thị Cẩm Hồng

Trịnh Thị Phúc